

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 09/6/2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, cấp dưỡng nuôi con và chia
tài sản chung khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Toại.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tố Nga;

Ông Nguyễn Minh Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lân – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2021/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1996;

Nơi cư trú: Xóm A, thôn X, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Chị Phan Thị Mỹ H, sinh năm 1998;

Nơi cư trú: Xóm X, thôn T, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phan Đức T, sinh năm 1976;

Nơi cư trú: Xóm X, thôn T, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự nêu trên đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2021, biên bản lấy lời khai ngày 24/5/2021, biên bản hòa giải ngày 26/5/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn Anh Nguyễn Ngọc D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và Chị Phan Thị Mỹ H tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào ngày 27/9/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, không chia sẻ với nhau trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra cãi vã làm sút mẻ tình cảm vợ chồng. Từ tháng 7/2020 đến nay, do mâu thuẫn nên vợ chồng không còn sống chung, chị H về sống cùng cha, mẹ chị, còn anh sống cùng cha, mẹ anh, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay anh xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Gia K, sinh ngày 19/01/2020. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện, anh yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi tài sản chung do chị H đang quản lý gồm có: 04 chỉ vàng 24K, số tiền 70.000.000 đồng do chị H đứng tên gửi tiết kiệm tại Ngân hàng N, Chi nhánh huyện S, tỉnh Quảng Ngãi và số tiền 83.000.000 đồng Ông Phan Đức T (cha chị H) vay không tính lãi suất của vợ chồng. Tuy nhiên, quá trình tố tụng tại Tòa án ông T chỉ thừa nhận có vay số tiền 75.000.000 đồng và ông T đã hoàn trả lại cho chị H số tiền này nên anh cũng thống nhất lời khai của ông T là đã trả xong nợ cho chị H số tiền 75.000.000 đồng và do chị H quản lý. Anh rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu ông T trả nợ cho vợ chồng anh và đề nghị Tòa án không đưa ông T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Anh D thống nhất lời khai của chị H về việc sử dụng khoản tài sản chung của vợ chồng như sau: Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị H nuôi con nhỏ nên đã sử dụng tài sản chung của vợ chồng gồm: 04 chỉ vàng 24K và số tiền gửi tiết kiệm 70.000.000 đồng để chi tiêu xong cho việc nuôi con và lo cho gia đình nên số tài sản này chị H không còn quản lý như nêu trong đơn khởi kiện. Anh không yêu cầu chia tài sản chung đối với 04 chỉ vàng 24K và số tiền 70.000.000 đồng gửi tiết kiệm và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tài sản này. Anh D chỉ yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng đối với số tiền 75.000.000 đồng mà ông T đã trả nợ cho vợ chồng và chị H đang quản lý, mỗi người được chia số tiền 37.500.000 đồng nhưng anh chỉ yêu cầu chị H hoàn trả cho anh số tiền 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng)..

Về nghĩa vụ tài sản: Vợ chồng không có nghĩa vụ tài sản với người thứ ba.

Ngoài ra, anh không yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 05/4/2021, biên bản hòa giải ngày 26/5/2021 và tại phiên tòa, bị đơn Chị Phan Thị Mỹ H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H thống nhất về thời gian, địa điểm kết hôn như anh D trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng do anh D ăn chơi, cờ bạc, không có trách nhiệm với vợ con, đánh chị nên vợ chồng không có hạnh phúc, không còn tình cảm dành cho nhau. Nay anh D yêu cầu ly hôn, chị H đồng ý.

Về con chung: Chị H thống nhất vợ chồng có một con chung Nguyễn Gia K, sinh ngày 19/01/2020 đang ở với chị. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng từ 1.500.000đồng đến 2.000.000đồng.

Về tài sản chung: Chị H thống nhất tài sản chung của vợ chồng gồm có: 04 chỉ vàng 24K, số tiền 70.000.000đồng do chị đứng tên gửi tiết kiệm tại Ngân hàng N, Chi nhánh huyện S, tỉnh Quảng Ngãi và số tiền 75.000.000đồng Ông Phan Đức T (cha chị H) vay không tính lãi suất của vợ chồng nhưng đã trả nợ xong và do chị đang quản lý. Đối với 04 chỉ vàng 24K và số tiền 70.000.000đồng gửi tiết kiệm hiện không còn do chị chi tiêu trong thời gian mang thai và nuôi con nhỏ, chị trả nợ cho anh D, lo chi phí sinh hoạt cho con vì anh D không có trách nhiệm với chị và con.

Quá trình tố tụng, chị H thống nhất lời khai của anh D, xác định tài sản chung của vợ chồng còn lại là số tiền 75.000.000đồng mà ông T đã trả nợ cho vợ chồng và do chị đang quản lý. Chị H đồng ý chia đôi tài sản chung, mỗi người số tiền 37.500.000 đồng. Anh D chỉ yêu cầu được chia số tiền 32.000.000 đồng, chị đồng ý hoàn trả lại cho anh D số tiền này.

Về nghĩa vụ tài sản: Chị H xác định, vợ chồng không có nghĩa vụ tài sản đối với người thứ ba.

Ngoài ra, bị đơn không trình bày gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 26/3/2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Phan Đức T trình bày:

Ông là cha đẻ của Chị Phan Thị Mỹ H. Vào khoảng tháng 4/2020 ông có vay không tính lãi suất của vợ chồng anh D, chị H với số tiền 75.000.000đồng nhưng ông đã trả nợ xong cho chị H vào tháng 12/2020. Hiện nay, ông không còn nợ vợ chồng anh D, chị H. Việc chia tài sản chung đối với số tiền do ông trả nợ thì do vợ chồng anh D, chị H định đoạt.

Ngoài ra, ông T không trình bày gì thêm.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn như sau:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 55, 59, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 28,

35, 39, 147, 189, 203, 220, 227, 244, 266, 267, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận thuận tình ly hôn giữa Anh Nguyễn Ngọc D và Chị Phan Thị Mỹ H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 19/01/2020 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng cho chị H số tiền 1.500.000đồng.

Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh D và chị H về xác định tài sản chung của anh, chị còn có 75.000.000 đồng do chị H quản lý. Anh D và chị H đều thống nhất chia tài sản chung cho anh D số tiền 32.000.000 đồng, chị H số tiền 43.000.000 đồng là phù hợp với đạo đức xã hội và quy định của pháp luật.

Đối với tài sản chung gồm 04 chỉ vàng 24K và số tiền 70.000.000đồng gửi tiết kiệm, chị H và D thống nhất chị H đã chi tiêu xong cho gia đình, nuôi con và anh D rút một phần đơn khởi kiện đối với số tài sản này. Đề nghị căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của anh D về việc chia tài sản chung là: 04 chỉ vàng 24K và số tiền 70.000.000 đồng gửi tiết kiệm.

Về nghĩa vụ tài sản: Anh D và chị H xác định anh, chị không có nghĩa vụ tài sản với người thứ ba nên không giải quyết.

Về án phí dân sự: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc anh D phải chịu các khoản án phí gồm: án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân và gia đình không có giá ngạch (về ly hôn), chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung và án phí chia tài sản chung khi ly hôn. Chị H phải chịu án phí chia tài sản khi ly hôn.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 1, 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Ngọc D và Chị Phan Thị Mỹ H có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, giữa anh, chị nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, với lý do: không có sự chia sẻ, thương yêu và tin tưởng nhau trong cuộc sống, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau từ tháng 7/2020 cho đến nay.

Tại phiên tòa, anh D và chị H đều thuận tình ly hôn, căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh, chị.

[3] *Về con chung*: Anh D, chị H đều xác định, anh, chị có một con chung Nguyễn Gia K, sinh ngày 19/01/2020 đang sống cùng chị H. Anh D và chị H đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Xét thấy, cháu K dưới 36 tháng tuổi, chị H yêu cầu trực tiếp nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử xét thấy anh D là người đang có việc làm, có thu nhập 3.837.000đồng, mức cấp dưỡng hàng tháng 700.000đồng như ý kiến của anh D là không phù hợp với điều kiện thực tế về chi phí nuôi con ở địa phương; nhằm đảm bảo về mọi mặt cho sự phát triển về thể chất cũng như tinh thần và việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K, căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình cần buộc anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng là: 1.500.000đồng.

[4] *Về tài sản chung*: Tại phiên tòa, anh D và chị H đều xác định tài sản chung của anh, chị còn có số tiền 75.000.000đồng do chị H đang quản lý và thống nhất chia cho anh D số tiền 32.000.000đồng, chị H số tiền 43.000.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, sự thỏa thuận của anh D và chị H về phân chia tài sản chung như trên là phù hợp với đạo đức xã hội và quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

Đối với tài sản chung gồm 04 chỉ vàng 24K và số tiền 70.000.000đồng gửi tiết kiệm, chị H và D thống nhất chị H đã chi tiêu xong cho gia đình, nuôi con và anh D không yêu cầu chia tài sản chung và rút một phần đơn khởi kiện đối với số tài sản này. Vì vậy, căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của anh D về việc chia tài sản chung là: 04 chỉ vàng 24K và số tiền 70.000.000 đồng gửi tiết kiệm.

[5] *Xét nghĩa vụ trả nợ của Ông Phan Đức T*: Anh Nguyễn Ngọc D và Chị Phan Thị Mỹ H đều thống nhất Ông Phan Đức T có vay của anh, chị số tiền 75.000.000 đồng và xác định ông T đã trả nợ xong, do chị H đang quản lý. Do đó, Hội đồng xét xử xác định Ông Phan Đức T không còn nghĩa vụ trả nợ cho anh D, chị H.

[6] *Về nghĩa vụ tài sản*: Anh D và chị H xác định anh, chị không có nghĩa vụ tài sản với người thứ ba nên không giải quyết.

[7] *Về án phí*:

[7.1] Buộc Anh Nguyễn Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (về ly hôn) 300.000 đồng, chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về cấp dưỡng nuôi con chung 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về chia tài sản chung khi ly hôn 1.600.000 đồng; tổng cộng: 2.200.000đồng (hai triệu, hai trăm nghìn đồng) nhưng anh D được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí

đã nộp 2.162.000 đồng (*hai triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn đồng*), còn phải tiếp tục nộp ngân sách nhà nước số tiền 38.000 đồng (*ba mươi tám nghìn đồng*).

[7.2] Chị Phan Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về chia tài sản chung khi ly hôn là: 2.150.000 đồng (*hai triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng*).

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn như trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1, 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 267, khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Các Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa Anh Nguyễn Ngọc D và Chị Phan Thị Mỹ H.

2. *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 19/01/2020 cho Chị Phan Thị Mỹ H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (cháu K đang ở cùng chị H).

3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Buộc Anh Nguyễn Ngọc D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 19/01/2020, mức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng là **1.500.000đồng** (*một triệu năm trăm nghìn đồng*), thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 09/6/2021 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Chị Phan Thị Mỹ H đại diện theo pháp luật cho cháu K về yêu cầu anh D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh D, chị H hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật liên quan.

4. Về tài sản chung:

4.1. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa Anh Nguyễn Ngọc D và Chị Phan Thị Mỹ H về chia tài sản chung là số tiền 75.000.000đồng (*bảy mươi lăm triệu đồng*) do chị H đang quản lý, cụ thể: Chia cho anh D số tiền 32.000.000đồng (*ba mươi hai triệu đồng*), chia cho chị H số tiền 43.000.000đồng (*bốn mươi ba triệu đồng*).

Buộc Chị Phan Thị Mỹ H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Anh Nguyễn Ngọc D số tiền tài sản chung là: 32.000.000 đồng (*ba mươi hai triệu đồng*).

4.2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Anh Nguyễn Ngọc D về chia tài sản chung là: 04 chỉ vàng 24K (*bốn chỉ vàng hai mươi bốn kara*) và số tiền 70.000.000 đồng do chị H gửi tiết kiệm tại Ngân hàng N, Chi nhánh huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Lý do đình chỉ xét xử: Vì anh D và chị H đều xác định số tài sản này không còn, vì chị H đã chi tiêu xong cho gia đình, con cái và các khoản khác.

4.3. Ông Phan Đức T đã thanh toán xong số tiền nợ vay 75.000.000đồng (*bảy mươi lăm triệu đồng*) cho anh D, chị H nên không xem xét giải quyết.

5. *Về nghĩa vụ tài sản:* Anh Nguyễn Ngọc D và Chị Phan Thị Mỹ H xác định anh, chị không có nghĩa vụ tài sản với người thứ ba nên không giải quyết.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

6.1. Buộc Anh Nguyễn Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (về ly hôn) 300.000đồng, chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về cấp dưỡng nuôi con chung 300.000đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về chia tài sản chung khi ly hôn 1.600.000đồng; tổng cộng: 2.200.000đồng (*hai triệu, hai trăm nghìn đồng*) nhưng anh được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 2.162.000đồng (*hai triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003472, ngày 09/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn; anh D còn phải tiếp tục nộp tiền án phí sung ngân sách nhà nước số tiền 38.000đồng (*ba mươi tám nghìn đồng*).

6.2. Buộc Chị Phan Thị Mỹ H phải chịu án phí chia tài sản khi ly hôn số tiền là: 2.150.000 đồng (*hai triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng*) nộp ngân sách nhà nước.

7. *Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự

năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự 2008, các Điều 7, 7a, 7b của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự 2008.

8. Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (09/6/2021).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quang Toại

